TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9 - 2025
V/v ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thái Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: bà Hoàng Thị Thoan và bà Nguyễn Thị Hòe
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2025 về việc "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1992, căn cước công dân số: 044192001455; địa chỉ: thôn A, xã P, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- Bị đơn: anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990; CMND: 194375822; Hộ chiếu số: Q995391378 cấp bởi V tại Đ cấp ngày 03/5/2024; địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn A, xã P, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Hiện cư trú tại: số C, ngõ B, đường S, Đài Loan; có đề nghị xét xử vắng mặt.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị L, sinh năm 1971, là mẹ đẻ của anh T; địa chỉ: thôn A, xã P, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/3/2025 và bản tự khai ngày 08/4/2025, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng hợp pháp, kết hôn trên tinh thần tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã P, tỉnh Quảng Trị) và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2014 vào ngày 01/03/2014.

Thời gian đầu vợ chồng sinh sống với nhau rất hạnh phúc và đã có với nhau 01 người con. Năm 2018, vì kinh tế khó khăn nên hai vợ chồng qua Đài Loan làm việc.

Đến tháng 10 năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và sống ly thân từ đó. Hiện tại chị H đã về Việt Nam sinh sống, còn anh T vẫn ở lại Đài Loan làm việc. Vì tình nghĩa vợ chồng và con nên chị đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc bằng mọi cách có thể. Thế nhưng, đến nay mọi cố gắng của chị đều không có kết quả.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được nữa nên việc duy trì hạnh phúc gia đình là không thể đạt được. Hiện nay, hai bên không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, để sớm giải thoát cho nhau nên chị xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời kì hôn nhân, vợ chồng chị có 01 người con chung là Nguyễn Gia H1 (sinh ngày 19/08/2016). Hiện nay con Nguyễn Gia H1 đang ở với ông bà nội. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao con là Nguyễn Gia H1 cho bố là Nguyễn Thanh T nuôi dưỡng, chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 29/5/2025 (có chứng thực của Văn phòng K tại Đ), anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Thu H là vợ chồng hợp pháp, kết hôn trên tinh thần tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã P, tỉnh Quảng Trị) và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2014 vào ngày 01/03/2014.

Thời gian đầu vợ chồng sinh sống với nhau rất hạnh phúc và đã có với nhau 01 người con. Năm 2018, vì kinh tế khó khăn nên hai vợ chồng qua Đài Loan làm việc. Đến tháng 10 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và sống ly thân từ đó. Hiện tại chị H đã về Việt Nam sinh sống, còn anh vẫn ở lại Đài Loan làm việc. Vì tình nghĩa vợ chồng và con nên anh đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc bằng mọi cách có thể nhưng đều không có kết quả.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được nữa nên việc duy trì hạnh phúc gia đình là không thể đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, đề nghị Tòa giải quyết cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong thời kì hôn nhân, vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Gia H1 (sinh ngày 19/08/2016). Hiện con Nguyễn Gia H1 ở với ông bà nội, được ông bà chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi vợ chồng ly hôn có hỏi ý kiến của con, con đã ở quen với ông bà nội nên có nguyện vọng muốn ở với bố, vì vậy anh đề nghị được nuôi con và yêu cầu chị Phạm Thị Thu H cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết; về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, và không ai nợ vợ chồng.

Tại đơn trình bày ý kiến, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày: Bà là mẹ ruột của bị đơn anh Nguyễn Thanh T, cháu Nguyễn Gia

H1 là con của anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị Thu H, từ nhỏ vì kinh tế khó khăn nên sau khi sinh cháu, ba mẹ cháu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và giao cháu Nguyễn Gia H1 cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nay anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị Thu H có nguyện vọng muốn ly hôn với nhau. Sau khi bàn bạc và hỏi ý kiến của cháu, vì cháu có nguyện vọng được ở với ba và bà nội. Nay con trai bà Nguyễn Thanh T đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, không trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu được. Vì vậy trong thời gian con bà Nguyễn Thanh T làm việc tại Đài Loan, bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H1 đến khi ba cháu trở về và trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm tại các bản tự khai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Thanh T; về quan hệ con chung: giao cháu Nguyễn Gia H1 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện anh T đang ở nước ngoài nên tạm thời trước mắt giao cháu H1 cho bà Trần Thị L (bà nội) chăm sóc, nuôi dưỡng, khi nào anh về Việt Nam thì bà Trần Thị L có trách nhiệm giao con lại cho anh T; Về cấp dưỡng: chị Phạm Thị Thu H cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi condủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo thông tin do Phòng Q Công an tỉnh Q (nay là Công an tỉnh Q) cung cấp thì anh Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/3/1990; nơi thường trú: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã P, tỉnh Quảng Trị); CMND: 194375822, đã xuất cảnh rời Việt Nam ngày 30/9/2023, qua sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam và bản tự khai của anh Nguyễn Thanh T có chứng thực của Văn phòng K tại Đ chứng thực ngày 29/5/2025. Như vậy, anh T (bị đơn) đang ở nước ngoài, xét thấy vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị) tại thời điểm thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do vụ án được thụ lý trước ngày 01/7/2025 nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị tiếp tục giải quyết và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh T đã có Bản tự khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án, đồng thời yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, mở phiên tòa xét xử sớm (có chứng thực của Văn phòng K tại Đ), do đó Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục thông thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H, bị đơn anh Nguyễn Thanh T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b, c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Thanh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đã đăng ký kết hôn chính quyền địa phương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 10/2023. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau.

Tại các bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, cả chị H và anh T đều giữ nguyên quan điểm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H để xử cho chị H được ly hôn với anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 01 người con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 19/08/2016, hiện đang sống với bà nội là Trần Thị L. Cả chị H và anh T đều thống nhất giao con cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Gia H1 cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy cần giao cháu Nguyễn Gia H1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện anh T đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu Nguyễn Gia H1 cho bà Trần Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi nào anh T về Việt Nam thì bà L có trách nhiệm giao cháu Gia H1 lại cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: anh T và chị H thống nhất chị H cấp dưỡng tiền nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không có ai yêu cầu gì nên không xem xét.

[3] Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 288, các Điều 147, 153, 464, 469, 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

2. Về quan hệ con chung: giao cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 19/08/2016 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện anh Nguyễn Thanh T đang ở nước ngoài nên tạm thời trước mắt giao cháu Nguyễn Gia H1 cho bà Trần Thị L (bà nội) chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi nào anh Nguyễn Thanh T về Việt Nam thì bà Trần Thị L có trách nhiệm giao con lại cho anh T.

Chị Phạm Thị Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 09/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm non và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

4. Về án phí: chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Q) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005332 ngày 01/4/2025, chị H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tai Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: chị Phạm Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Toà án; anh Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Thái Sơn

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Niêm yết tại UBND xã Phú Trạch;
- Lưu: Toà Dân sự, hồ sơ vụ án.